

Số: /TT-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO (V2)
01.2025

THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG NƯỚC MẶT ĐỐI VỚI SÔNG, HỒ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư hướng dẫn đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông, hồ.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông, suối, kênh, rạch, hồ (sau đây gọi chung là đánh giá khả năng chịu tải của sông, hồ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có hoạt động liên quan đến việc đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông, hồ.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông, hồ

1. Việc đánh giá khả năng chịu tải của sông, hồ phải đảm bảo tính hệ thống theo lưu vực sông và nguồn nước.

2. Đối với nguồn nước là sông, suối, kênh, rạch (sau đây gọi tắt là sông), khi thực hiện đánh giá khả năng chịu tải phải được phân thành từng đoạn sông để đánh giá.

3. Việc phân đoạn sông, xác định mục đích sử dụng nước, lựa chọn lưu lượng dòng chảy, lựa chọn thông số chất lượng nước mặt, thông số ô nhiễm của các nguồn nước thải để đánh giá khả năng chịu tải đối với từng đoạn sông phải bảo đảm tính hệ thống theo từng sông, hệ thống sông.

4. Việc đánh giá khả năng chịu tải của sông, hồ phải được thực hiện đối với từng thông số ô nhiễm.

5. Việc đánh giá khả năng chịu tải của nguồn nước sông, hồ phải dựa trên đặc điểm mục đích sử dụng, khả năng tự làm sạch của nguồn nước, quy mô và tính chất của các nguồn nước thải hiện tại và theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

6. Việc đánh giá khả năng chịu tải của nguồn nước sông, hồ được thực hiện theo thời kỳ của kế hoạch quản lý chất lượng nước mặt theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường hoặc do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khả năng chịu tải của nguồn nước xem xét, quyết định việc đánh giá lại khả năng chịu tải của nguồn nước khi có một trong các trường hợp sau:

a) Có sự điều chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến mục đích sử dụng nước, hoạt động xả nước thải vào nguồn nước;

b) Có dự án, công trình khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước mà làm thay đổi lớn đến chế độ dòng chảy, chất lượng nước sông, hồ;

c) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương II **ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG NƯỚC** **MẶT ĐỐI VỚI SÔNG, HỒ**

Điều 4. Các nguồn nước phải đánh giá khả năng chịu tải

1. Các sông thuộc danh mục lưu vực sông liên tỉnh, nội tỉnh, danh mục nguồn nước liên quốc gia, liên tỉnh, nội tỉnh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Các hồ thuộc danh mục nguồn nước liên tỉnh, nội tỉnh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Các nguồn nước không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc đánh giá khả năng chịu tải trên cơ sở mức độ quan trọng của nguồn nước đối với phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu về bảo vệ tài nguyên nước, môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn giá trị văn hóa có liên quan đến nguồn nước.

Điều 5. Phân đoạn sông để đánh giá khả năng chịu tải của nguồn nước

1. Thông tin, dữ liệu phục vụ phân đoạn sông:

- a) Vị trí nhập lưu, phân lưu trên sông;
- b) Chức năng nguồn nước, mục đích sử dụng nước của sông; vị trí các công trình khai thác, sử dụng nước, xả nước thải; vị trí công trình hồ chứa, công trình điều tiết nước trên sông;
- c) Chiều dài đoạn sông bị xâm nhập mặn lớn nhất ứng với độ mặn 4,0‰ đối với các đoạn sông bị ảnh hưởng của thủy triều;
- d) Yêu cầu về bảo tồn, phát triển hệ sinh thái thủy sinh, giá trị lịch sử, văn hóa, du lịch, tín ngưỡng có liên quan đến nguồn nước;
- đ) Hiện trạng chất lượng nước và các yêu cầu nhằm bảo vệ, cải thiện, phục hồi nguồn nước.

2. Đoạn sông được xác định như sau:

- a) Một (01) đoạn sông được xác định bởi hai (02) mặt cắt liên kề có chiều dài từ 10 km trở lên, trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này.

Trường hợp khi xác định mà đoạn sông có chiều dài dưới **10km** thì căn cứ vào mức độ biến đổi lưu lượng dòng chảy, mục đích sử dụng nước, chức năng nguồn nước, các yêu cầu nhằm bảo vệ, cải thiện, phục hồi nguồn nước xem xét gộp chung với đoạn sông liền kề;

- b) Đối với đoạn sông bị ảnh hưởng của thủy triều mà có chiều dài xâm nhập mặn lớn nhất ứng với độ mặn 4,0‰ thì được phân thành một đoạn;

- c) Trường hợp đoạn sông chảy qua các khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; làng nghề, khu vực tiếp nhận nhiều nguồn nước thải, khu vực nguồn nước bị ô nhiễm, khu bảo tồn đa dạng sinh học, khu bảo tồn giá trị văn hóa, lịch sử có liên quan đến nguồn nước thì được xem xét phân thành một đoạn.

Điều 6. Xác định mục đích sử dụng nước và mục tiêu chất lượng nước để đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông, hồ

1. Mục đích sử dụng nước và mục tiêu chất lượng nước của đoạn sông, hồ được xác định căn cứ quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp đoạn sông, hồ có nhiều mục đích sử dụng nước thì lựa chọn mục đích sử dụng nước có yêu cầu về chất lượng nước cao nhất.

2. Các trường hợp không quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ vào hiện trạng khai thác, sử dụng nước thực tế của đoạn sông, hồ thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khả năng chịu tải xem xét, xác định mục đích sử dụng nước và mục tiêu chất lượng nước của đoạn sông để đánh giá.

Điều 7. Thông số để đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông, hồ

1. Khả năng chịu tải của mỗi đoạn sông, hồ phải được đánh giá đối với từng thông số sau: COD, BOD₅, Amoni, tổng Ni-tơ, tổng Phốt-pho và các thông số quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Căn cứ quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, quy chuẩn kỹ thuật về nước thải, mục đích sử dụng nước, mục tiêu chất lượng nước, quy mô, tính chất nước thải, yêu cầu bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường đối với từng đoạn sông, hồ thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khả năng chịu tải xem xét, quyết định cụ thể các thông số khác để đánh giá cho phù hợp.

Điều 8. Phương pháp đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông, hồ

1. Các phương pháp đánh giá khả năng chịu tải của sông bao gồm:

a) Phương pháp đánh giá trực tiếp: đánh giá khả năng chịu tải của sông được thực hiện trên cơ sở giới hạn tối đa của từng thông số, đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, lưu lượng và kết quả phân tích chất lượng nguồn nước của đoạn sông, được quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư này.

Phương pháp đánh giá trực tiếp được áp dụng đối với đoạn sông sau khi điều tra mà không có nguồn nước thải xả trực tiếp vào đoạn sông đó.

b) Phương pháp đánh giá gián tiếp: đánh giá khả năng chịu tải của sông được thực hiện trên cơ sở giới hạn tối đa của từng thông số đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, lưu lượng, kết quả phân tích chất lượng nguồn nước sông, lưu lượng và kết quả phân tích của các nguồn nước thải xả vào đoạn sông, được quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư này.

c) Phương pháp đánh giá bằng mô hình: đánh giá khả năng chịu tải của sông được thực hiện trên cơ sở giới hạn tối đa của từng thông số đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, lưu lượng và kết quả phân tích chất lượng nguồn nước sông, lưu lượng và kết quả phân tích của các nguồn nước thải xả vào đoạn sông và quá trình gia nhập dòng chảy, biến đổi của các chất gây ô nhiễm.

d) Việc đánh giá sức chịu tải của sông được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

2. Việc đánh giá sức chịu tải của hồ áp dụng các phương pháp quy định tại khoản 1 Điều này và thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư này.

3. Căn cứ các nguyên tắc đánh giá khả năng chịu tải của nguồn nước sông, hồ quy định tại Điều 3 Thông tư này và các thông tin, số liệu về lưu lượng, chất lượng nước sông, lưu lượng, chất lượng nước của các nguồn nước thải, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khả năng chịu tải xem xét, quyết định áp dụng các phương pháp đánh giá phù hợp đối với từng đoạn sông, hệ thống sông, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Đối với đoạn sông bị ảnh hưởng của thủy triều quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Thông tư này chỉ áp dụng phương pháp mô hình để đánh giá.

Điều 9. Đánh giá khả năng chịu tải của sông

1. Nguyên tắc đánh giá khả năng chịu tải của sông:

Khả năng chịu tải của đoạn sông phụ thuộc vào chất ô nhiễm cần quan tâm, lưu lượng và tải lượng chất ô nhiễm đi qua đoạn sông, mục đích sử dụng nguồn

nước. Phương pháp đánh giá khả năng khả năng chịu tải của đoạn sông được dựa trên công thức tổng quát liên hệ giữa các nguồn thải điểm, nguồn thải diện, nguồn thải tự nhiên, lưu lượng chất ô nhiễm mất đi do các quá trình biến đổi xảy ra trong đoạn sông và tải trọng chất ô nhiễm tại 2 mặt cắt của đoạn sông tại ngày bất kỳ trong năm như sau:

$$D_p + L_{diff} + LB - NP = L_y - L_{y0}$$

Trong đó:

a) D_p : tổng tải lượng chất ô nhiễm của các nguồn điểm xả vào đoạn sông (kg/ngày);

b) L_{diff} : tổng tải lượng chất ô nhiễm của các nguồn diện xả vào đoạn sông (kg/ngày);

c) LB : tải lượng nền tự nhiên của chất ô nhiễm đi vào đoạn sông (kg/ngày);

d) NP : tải lượng của chất ô nhiễm mất đi do các quá trình biến đổi xảy ra trong đoạn sông (kg/ngày);

đ) L_y, L_{y0} : tải lượng chất ô nhiễm tại các mặt cắt tương ứng ở hạ lưu và thượng lưu của đoạn sông (kg/ngày).

2. Xây dựng các kịch bản tính toán:

a) Kịch bản cơ sở: lưu lượng của sông theo dòng chảy trung bình (được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này), tải lượng chất ô nhiễm tại mặt cắt ở thượng lưu đoạn sông là tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn sông và được xác định theo quy định tại Điều 11 Thông tư này, tải lượng chất ô nhiễm tại mặt cắt ở hạ lưu đoạn sông là tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt và được xác định theo quy định tại Điều 10 Thông tư này; kịch bản ứng với toàn bộ dải lưu lượng của đoạn sông.

b) Các kịch bản theo yêu cầu chất lượng nước trong tương lai.

3. Phương pháp đánh giá trực tiếp:

Công thức đánh giá: $L_{tn} = (L_{td} - L_{ln}) \times F_s$

Trong đó:

a) L_{tn} : khả năng tiếp nhận nước thải, khả năng chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm, đơn vị tính là kg/ngày;

b) L_{td} : tải lượng tối đa của từng thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn sông và được xác định theo quy định tại Điều 10 Thông tư này, đơn vị tính là kg/ngày;

c) L_{ln} : tải lượng của từng thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn sông và được xác định theo quy định tại Điều 11 Thông tư này, đơn vị tính là kg/ngày;

d) F_s : hệ số an toàn, được xem xét, lựa chọn trong khoảng từ 0,7 đến 0,9 trên cơ sở mức độ đầy đủ, tin cậy, chính xác của các thông tin, số liệu sử dụng để

đánh giá do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khả năng chịu tải quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này xem xét, quyết định.

4. Phương pháp đánh giá gián tiếp:

Công thức đánh giá: $L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_{tt}) \times F_s + N_{Ptđ}$

Trong đó:

a) L_{tn} : khả năng tiếp nhận nước thải, khả năng chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm, đơn vị tính là kg/ngày;

b) L_{td} , F_s : được xác định theo quy định tại điểm b, điểm d khoản 3 Điều này;

c) L_{nn} : tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn sông và được xác định theo quy định tại Điều 11 Thông tư này, đơn vị tính là kg/ngày;

d) L_{tt} : tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải và được xác định theo quy định tại Điều 12 Thông tư này, đơn vị tính là kg/ngày;

đ) $N_{Ptđ}$: tải lượng cực đại của thông số ô nhiễm mất đi do các quá trình biến đổi xảy ra trong đoạn sông, đơn vị tính là kg/ngày. Giá trị $N_{Ptđ}$ phụ thuộc vào từng chất ô nhiễm và có thể chọn giá trị bằng 0 đối với chất ô nhiễm có phản ứng làm giảm chất ô nhiễm này.

5. Đánh giá bằng phương pháp mô hình:

a) Quy trình đánh giá mô hình gồm 5 bước sau: Xác định mục tiêu và phạm vi đánh giá; thu thập và xử lý dữ liệu đầu vào; lựa chọn, hiệu chuẩn và kiểm định mô hình; tiến hành mô phỏng và phân tích kết quả; lập báo cáo, đề xuất chiến lược kiểm soát và phân bổ tải lượng ô nhiễm.

b) Căn cứ đặc điểm về dòng chảy của đoạn sông, dòng sông hoặc của cả hệ thống sông, thông tin số liệu về dòng chảy, chất lượng nước và các nguồn thải thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khả năng chịu tải xem xét, quyết định lựa chọn mô hình phù hợp để đánh giá.

c) Mô hình sử dụng để đánh giá khả năng chịu tải của sông phải được hiệu chỉnh, kiểm định trước khi sử dụng để tính toán các kịch bản về khả năng chịu tải và phân bổ hạn ngạch xả thải (được thể hiện qua việc xác định số lượng và vị trí điểm hiệu chỉnh, kiểm chứng; thời điểm, khoảng thời gian hiệu chỉnh, kiểm chứng..) và được hội đồng chuyên ngành về mô hình giám sát, đánh giá, thông qua (trong trường hợp cần thiết).

d) Dữ liệu đầu vào để áp dụng mô hình bao gồm: Dữ liệu khí tượng thủy văn; dữ liệu chất lượng nước; thông tin địa hình và thổ nhưỡng; dữ liệu về nguồn thải; dữ liệu kinh tế - xã hội; thông số kỹ thuật mô hình; các phần mềm hỗ trợ mô phỏng SWAT, Mike 11, HEC-RAS, WASP hoặc các công cụ tích hợp như WEAP,... nhằm tối ưu hóa tính toán và dự báo.

Điều 10. Xác định tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt

1. Công thức xác định: $L_{td} = C_{qc} \times Q_S \times 86,4$

Trong đó:

a) C_{qc} : giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng nước và mục tiêu chất lượng nước của đoạn sông, đơn vị tính là mg/l;

b) Q_S : lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá và được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này, đơn vị tính là m^3/s ;

c) Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m^3/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

2. Lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khả năng chịu tải xem xét, quyết định trên cơ sở dòng chảy trung bình đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 11. Xác định tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước

1. Công thức xác định: $L_{nn} = C_{nn} \times Q_S \times 86,4$

Trong đó:

a) C_{nn} : kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt và được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này, đơn vị tính là mg/l;

b) Q_S : lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá và được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này, đơn vị tính là m^3/s ;

c) Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên.

2. Kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt được xác định tại các mặt cắt của đoạn sông đánh giá và trên cơ sở giá trị trung bình của kết quả phân tích ít nhất của 3 đợt quan trắc (một đợt dòng chảy tối thiểu, một đợt dòng chảy trung bình và một đợt dòng chảy lớn), mỗi đợt 10 mẫu với tần suất lấy mẫu một (01) ngày/mẫu; trường hợp tại đoạn sông đánh giá có số liệu quan trắc chất lượng nước của trạm quan trắc thủy văn, tài nguyên nước, môi trường thì xem xét sử dụng số liệu này để đánh giá. Vị trí lấy mẫu nước tại các mặt cắt được thực hiện như sau:

a) Tại vị trí mặt cắt cuối của đoạn sông đánh giá đối với trường hợp áp dụng phương pháp trực tiếp;

b) Tại vị trí mặt cắt đầu của đoạn sông đánh giá đối với trường hợp áp dụng phương pháp gián tiếp.

Điều 12. Xác định tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải

1. Nguồn thải vào đoạn sông gồm 03 nguồn chính: nguồn thải điểm, nguồn thải diện và nguồn thải tự nhiên. Tải lượng các thông số ô nhiễm từ 03 nguồn này được ký hiệu tương ứng là L_t , L_d và L_n .

Công thức xác định tổng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải: $L_{tt} = L_t + L_d + L_n$.

2. Công thức xác định tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn thải điểm:

$$L_t = C_t \times Q_t \times 86,4$$

Trong đó:

a) C_t : kết quả phân tích thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải xả vào đoạn sông và được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này, đơn vị tính là mg/L;

b) Q_t : lưu lượng lớn nhất của nguồn nước thải xả vào đoạn sông và được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều này, đơn vị tính là m^3/s ;

c) Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên.

3. Kết quả phân tích thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải được xác định trên cơ sở giá trị của mẫu tổ hợp. Mẫu tổ hợp được lấy theo thời gian gồm 03 mẫu đơn lấy ở 03 thời điểm khác nhau trong ngày (sáng, trưa - chiều, chiều - tối) hoặc ở 03 thời điểm khác nhau (đầu, giữa, cuối) của ca sản xuất, được trộn đều với nhau; trường hợp nguồn nước thải đã được quan trắc theo quy định của pháp luật thì xem xét sử dụng số liệu quan trắc này để đánh giá.

4. Lưu lượng lớn nhất của nguồn nước thải được xác định trên cơ sở kết quả quan trắc lưu lượng của nguồn nước thải theo quy định của pháp luật hoặc lưu lượng lớn nhất được ghi trong giấy phép môi trường, hồ sơ pháp lý về bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp.

5. Trường hợp có nhiều nguồn nước thải xả vào đoạn sông thì việc xác định tải lượng thông số ô nhiễm được thực hiện đối với từng nguồn nước thải.

6. Các giá trị L_d và L_n được xác định trên cơ sở xem xét gộp dựa vào phương trình cân bằng vật chất tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này và tương ứng với lưu lượng nước sông ứng với kịch bản cơ sở như quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

7. Trường hợp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội mà đã xác định được nguồn nước thải, lưu lượng, thông số ô nhiễm dự kiến xả vào đoạn sông đánh giá thì xem xét, xác định thêm tải lượng của từng thông số ô nhiễm. Giá trị của từng thông số ô nhiễm để đánh giá được xác định trên cơ sở giá trị giới hạn quy định tại quy chuẩn kỹ thuật về nước thải.

Điều 13. Đánh giá khả năng chịu tải của hồ

1. Đối với hồ chứa trên sông:

a) Trường hợp hồ chứa được vận hành theo chế độ hàng ngày thì khả năng chịu tải của hồ chứa được đánh giá trên cơ sở đánh giá khả năng chịu tải của đoạn sông có hồ chứa theo các phương pháp, công thức đánh giá quy định tại Điều 9 Thông tư này;

b) Trường hợp hồ chứa không vận hành theo chế độ hàng ngày thì khả năng chịu tải của hồ chứa được đánh giá theo công thức sau:

$$M_{tn} = (C_{qc} - C_{mn}) \times V_h \times 10^{-3} \times F_s$$

Trong đó:

M_{tn} : khả năng tiếp nhận nước thải, khả năng chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm của hồ, đơn vị tính là kg;

C_{qc} : giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng của hồ, đơn vị tính là mg/l;

C_{mn} : kết quả phân tích thông số chất lượng nước hồ và được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này, đơn vị tính là mg/l;

V_h : dung tích của hồ và được xác định trên cơ sở dung tích của hồ trong mùa cạn, đơn vị tính là m^3 ;

F_s : hệ số an toàn, lấy bằng 0,7.

2. Kết quả phân tích thông số chất lượng nước hồ được xác định trên cơ sở giá trị trung bình của kết quả phân tích ít nhất 10 mẫu nước hồ với tần suất lấy mẫu 01 ngày/mẫu; thời gian lấy mẫu thực hiện trong khoảng thời gian ba (03) tháng có mức nước trung bình; trường hợp tại hồ đã được quan trắc chất lượng nước theo quy định của pháp luật thì xem xét sử dụng số liệu này để đánh giá.

3. Đối với hồ không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thì việc đánh giá khả năng chịu tải của hồ thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, trong đó hệ số an toàn F_s lấy bằng 0,7-0,9.

4. Đối với các hồ quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều này, căn cứ đặc điểm của hồ, thông tin số liệu về chất lượng nước và các nguồn thải thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khả năng chịu tải xem xét, quyết định áp dụng phương pháp mô hình để đánh giá. Mô hình để đánh giá phải được hiệu chuẩn trước khi thực hiện việc đánh giá.

5. Kết quả đánh giá phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư này.

Điều 14. Yêu cầu về kết quả đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông, hồ

1. Kết quả đánh giá khả năng chịu tải tại mỗi đoạn sông phải được luận chứng, thuyết minh rõ về việc phân đoạn sông, xác định mục đích sử dụng nước, xác định lưu lượng dòng chảy, các thông số đánh giá, hệ số an toàn và việc lựa chọn phương pháp đánh giá quy định tại Thông tư này; kết quả đánh giá phải thể hiện rõ đoạn sông còn khả năng tiếp nhận hoặc không còn khả năng tiếp nhận đối với từng thông số ô nhiễm.

2. Kết quả đánh giá khả năng chịu tải của sông phải tổng hợp, thể hiện trên sơ đồ hệ thống sông; lập thành danh mục các đoạn sông đã được đánh giá, trong đó, mỗi đoạn sông được đánh giá phải thể hiện các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên của đoạn sông, tên của sông, tên lưu vực sông;
- b) Chiều dài đoạn sông, địa giới hành chính nơi đoạn sông đánh giá;
- c) Kết quả đánh giá khả năng chịu tải của đoạn sông đối với từng thông số đánh giá, được thể hiện trên bản đồ phân vùng ứng với từng thông số.

3. Kết quả đánh giá khả năng chịu tải của hồ phải được luận chứng, thuyết minh rõ về việc xác định mục đích sử dụng nước của hồ, xác định dung tích hồ, các thông số đánh giá, hệ số an toàn và việc lựa chọn phương pháp đánh giá quy định tại Thông tư này; kết quả đánh giá phải thể hiện rõ hồ còn khả năng tiếp nhận hoặc không còn khả năng tiếp nhận đối với từng thông số ô nhiễm.

Điều 15. Phê duyệt khả năng chịu tải của nguồn nước sông, hồ

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt khả năng chịu tải của các sông, hồ là nguồn nước liên tỉnh, liên quốc gia. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) phê duyệt khả năng chịu tải của các sông, hồ là nguồn nước nội tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức đánh giá khả năng chịu tải của các sông, hồ trên địa bàn, gửi hồ sơ tới Bộ Tài nguyên và Môi trường để lấy ý kiến trước khi phê duyệt, công bố.

3. Hồ sơ lấy ý kiến quy định tại khoản 3 Điều này gồm: dự thảo Quyết định phê duyệt kèm theo danh mục các đoạn sông, hồ đã được đánh giá khả năng chịu tải; báo cáo thuyết minh kết quả đánh giá khả năng chịu tải của nguồn nước sông, hồ.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các nhiệm vụ, dự án đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ đã được phê duyệt, đã tổ chức thực hiện nhưng chưa công bố kết quả đánh giá sức chịu tải trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, cơ quan có thẩm quyền sử dụng các kết quả, số liệu đã có để rà soát đánh giá sức chịu tải theo hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Các nhiệm vụ, dự án đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ đã được phê duyệt nhưng chưa thực hiện trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh nội dung kỹ thuật theo hướng dẫn của Thông tư này để đánh giá khả năng chịu tải.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng ... năm 2025.
2. Các thông tư sau hết hiệu lực thi hành:
 - a) Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước.

b) Điều 4, Điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 18. Trách nhiệm thực hiện

1. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Thông tư này.
2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai thực hiện Thông tư này tại địa phương.
3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, PC, KSONMT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành